

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Tiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú.

2/ Ông Lại Văn Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: ông Đoàn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 867/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1339/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1987;

Địa chỉ thường trú: xã V, huyện P, tỉnh B; địa chỉ tạm trú số: đường B1, phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn vắng mặt)

Bị đơn: ông Dương Thanh Q, sinh năm: 1990;

Địa chỉ thường trú: xã V, huyện P, tỉnh B; địa chỉ tạm trú số: đường B1, phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2024, biên bản ghi nhận sự việc ngày 17 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Dương Thanh Q sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P,

tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 90/I/2018, ngày 23 tháng 6 năm 2018.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp, nay bà thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà các yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Dương Thanh Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Thùy T xác nhận có 02 (hai) con chung tên Dương Hoài A, sinh ngày 22/5/2017 và Dương Gia H, sinh ngày 26/7/2020. Bà Lê Thị Thùy T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Dương Hoài A và trẻ Dương Gia H, không yêu cầu ông Dương Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Lê Thị Thùy T xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông Dương Thanh Q lên để làm việc cũng như cung cấp lời khai nhưng ông Dương Thanh Q không lên để làm việc và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Thanh Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Thùy T xác nhận có 02 (hai) con chung tên Dương Hoài A, sinh ngày 22/5/2017 và Dương Gia H, sinh ngày 26/7/2020. Giao trẻ Dương Hoài A và trẻ Dương Gia H cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thùy T về việc không yêu cầu ông Dương Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Lê Thị Thùy T xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Thùy T và ông Dương Thanh Q đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 23 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 90/I/2018. Ông Dương Thanh Q cư trú tại địa chỉ số: đường B1, phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nộp đơn ly hôn với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập ông Dương Thanh Q đến Tòa án để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Dương Thanh Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án nhân dân quận Bình Tân tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Thanh Q theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Bình Tân vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định bà Lê Thị Thùy T và ông Dương Thanh Q đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 23 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 90/I/2018. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Dương Thanh Q để tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng ông Dương Thanh Q vẫn cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông Dương Thanh Q không có ý muốn hàn gắn tình cảm gia đình nữa. Theo trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường B2, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh thì Ủy ban nhân dân phường chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình giữa bà Lê Thị Thùy T và ông Dương Thanh Q. Ngoài ra, theo lời khai của nguyên đơn thì hai vợ chồng trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Dương Thanh Q không chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn nhậu và đánh đập vợ con, mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Thanh Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Thùy T xác nhận có 02 (hai) con chung tên Dương Hoài A, sinh ngày 22/5/2017 và Dương Gia H, sinh ngày 26/7/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Thanh Q không có ý kiến; đồng thời, tại Biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Dương Hoài A ngày 17/12/2024 thì trẻ Dương Hoài A có nguyện vọng được mẹ là bà Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy T.

Về tài sản chung: bà Lê Thị Thùy T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Lê Thị Thùy T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân là 300.000 đồng bà Lê Thị Thùy T phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm thu án phí, lệ phí số: 0048100 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Thanh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 90/I/2018, ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Thùy T và ông Dương Thanh Q không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình chung sống, bà Lê Thị Thùy T xác nhận có 02 (hai) con chung tên Dương Hoài A, sinh ngày 22/5/2017 và Dương Gia H, sinh ngày 26/7/2020. Giao trẻ Dương Hoài A, sinh ngày 22/5/2017 và Dương Gia H, sinh ngày 26/7/2020 cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thùy T về việc không yêu cầu ông Dương Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Lê Thị Thùy T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân là 300.000 đồng bà Lê Thị Thùy T phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm thu án phí, lệ phí số: 0048100 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Tiến Trung